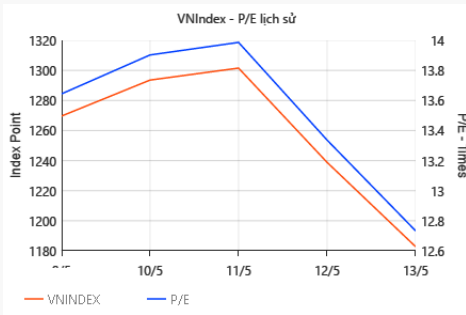
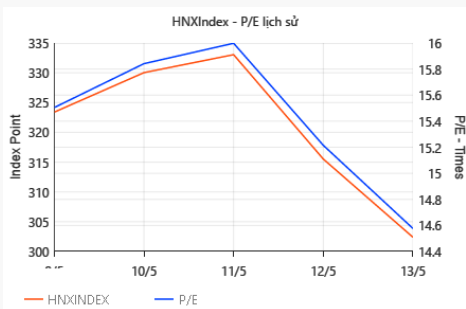


**VN-INDEX**



Điểm số	<b>1,182.77</b>
Tuần qua (WoW)	<b>-11.02%</b>
Từ đầu năm (YTD)	<b>-21.06%</b>
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	12.80%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	6.68%
P/E	12.73
P/B	2.01

**HNX -INDEX**



Điểm số	<b>302.29</b>
Tuần qua (WoW)	<b>-11.99%</b>
Từ đầu năm (YTD)	<b>-36.22%</b>
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	13.23%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	1.87%
P/E	14.51
P/B	1.7

**VÙNG ĐỊNH GIÁ THẤP TRONG LỊCH SỬ**

**NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC**

Thị trường điều chỉnh sâu và đã rơi xuống dưới mức 1,200 điểm khi có một trong những tuần rơi điểm tiêu cực nhất của thị trường với mức điều chỉnh lên tới 11%. Lực cầu suy yếu và tỏ ra rất e dè trước xu hướng giá xuống rõ ràng của thị trường dù đã có đến hơn 600 mã đã giảm trên 50% trong nhịp giảm kéo dài 6 tuần vừa qua trên 3 sàn HSX, HNX và Upcom. Tính riêng khoảng 430 mã có vốn hóa từ 1 ngàn tỷ tại thời điểm quý trước thì đã có ¼ hay 114 mã có mức giảm trên 50% tính từ đầu tháng 4 tới thời điểm hiện tại.

Nhìn rộng hơn, định giá P/E toàn thị trường đã về vùng 12-13, mức định giá của giai đoạn trước 2016 và trong các năm vừa qua chỉ tại thời điểm covid xảy ra, định giá của thị trường mới một lần nữa rơi về vùng này tại tháng 3/2020. Rõ ràng dù xu hướng hiện tại vẫn đang rất tiêu cực, vùng giá của nhiều cổ phiếu đã cho chúng ta mức chiết khấu đáng để cân nhắc, đặc biệt khi nhìn vào dài hạn.

Tuy nhiên, vùng định giá thấp cũng có nguyên nhân xuất phát từ sự lo ngại về chính sách tiền tệ thắt chặt, sức hút FDI chững lại, khả năng suy thoái tại các thị trường xuất khẩu quan trọng. Do đó, trong ngắn đến trung hạn, khi tâm lý vẫn đang thiên về sợ hãi, thị trường hoàn toàn có thể tiếp tục duy trì giao dịch tại vùng định giá thấp. Từ đó, dòng tiền sẽ buộc trở nên chọn lọc và kể cả khi thị trường hồi phục, không phải tất cả các mã giảm sâu sẽ hồi phục theo thị trường.

**CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH**

Với những vị thế không sử dụng đòn bẩy thì việc bán ra tại thời điểm này khả năng sẽ gây ra thiệt hại quá mức cần thiết. Trong khi đó với những vị thế sử dụng đòn bẩy thì việc xử lý nếu cần thiết sẽ khó mà tránh khỏi. Với những tài khoản mà tỉ lệ tiền mặt lại đang ở mức cao thì tuy thời điểm này có thể còn hơi sớm nhưng việc bắt đầu giải ngân, cho mục tiêu trung dài hạn, có thể được xem xét.

**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ**

**Danh mục Năm giữ & Danh mục Giao dịch: không điều chỉnh trong tuần.**

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14

**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM**
**Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 6-18 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	73.0%		-28.7%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	90.8%		-35.5%
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%		2.3%	157.1%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	60.7%		-28.0%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	22.0%		9.2%
HAH*	03/08/21	3	34,300	Nắm giữ	42,100	22.7%		73.6%	348.5%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	60.1%		-16.5%
VHM*	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%	14.0%		17.0%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%		7.8%	23.6%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%		84.4%	106.8%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	5.9%		52.8%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%		17.6%	106.3%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	35.2%		90.4%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	27.1%		0.0%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%		17.4%	51.7%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%		16.1%	91.2%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	56.3%		-22.2%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	24.4%		16.7%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

**Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 3-6 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	25,200 - 27,200	45,200	21,100	1:3	-44.1%
TNG	24/08/21	25,060 - 26,450	34,780	23,600	1:3	-4.7%
SLS	18/08/21	131,000 - 147,000	212,000	125,000	1:3	-8.3%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	33.3%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	-16.4%
ABI*	17/06/21	45,614 - 49,123	65,789	42,982	1:2.7	-1.3%
VND*	09/06/21	15,100 - 16,100	21,500	14,000	1:2.5	36.3%
DPG*	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	63.2%
GVR	28/05/21	26,300 - 29,500	48,400	23,900	1:3.5	-27.8%
BID	28/05/21	36,400 - 38,400	51,600	33,600	1:3	-17.2%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	-4.3%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	-25.6%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	14.9%
SMC*	11/05/21	34,800 - 37,500	50,000	31,000	1:2	-31.7%
BCG*	12/04/21	13,200 - 13,600	17,533	12,333	1:3	30.1%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	48.6%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	-2.6%
TTF*	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	16.7%
VIC*	26/03/21	96,900 - 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-23.0%
VCB	18/03/21	74,530 - 76,250	97,000	72,700	1:6	-4.3%
GEG*	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	6.2%
FCN*	08/03/21	13,700 - 14,700	21,700	13,100	1:4.5	4.1%
PVD*	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	-22.4%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	75.0%
GAS*	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	19.8%
CNG*	17/02/21	19,900 - 21,000	29,500	18,600	1:3.5	55.5%
CCL*	17/02/21	10,000 - 11,000	18,000	8,700	1:3	-14.5%
SAM*	17/02/21	10,730 - 11,590	21,555	9,770	1:5	-6.4%
LAF*	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	-100.0%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	52.5%
MSR*	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	-8.6%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	127.7%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	93.4%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	106.4%
DRI*	20/10/20	4,430 - 4,930	9,930	3,630	1:4	111.0%

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường Việt Nam có một tuần giảm điểm kỷ lục, chỉ kém giai đoạn rơi điểm do covid bùng phát 2020. Cả 2 chỉ số chính cùng giảm khoảng trên 11%, các nhóm vốn hóa nhỏ tiếp tục chứng kiến đà rơi điểm mạnh nhất khi VN-Smallcap giảm 14.4%, VN-Midcap giảm 13.2%. Thanh khoản thị trường được cải thiện khoảng 13%, cho thấy dòng tiền đã muốn tham gia vào dần dù nhìn chung còn rất e ngại đà rơi mạnh và liên tục kéo dài. Định giá của cả VN-Index và HNX-Index đều vượt qua vùng đáy 1 năm (đối với VN-Index là 14, HNX-Index là 16 theo dữ liệu của finpro)

Câu chuyện điều chỉnh thực tế không phải là cá biệt chỉ riêng tại thị trường Việt Nam. Chỉ số S&P500 của Mỹ cũng đã có tuần giảm điểm thứ 6 liên tiếp còn với Dow Jones là tuần thứ 7. Lạm phát vẫn duy trì ở mức cao trong vòng 4 thập kỷ đã ra tín hiệu những biện pháp thắt chặt mạnh hơn nữa có thể sẽ được áp dụng. Bổ sung vào đó là việc thị trường tiền kỹ thuật số (crypto) đã xuất hiện những vụ đổ vỡ quy mô lớn, thể hiện dấu hiệu về việc tâm lý chung của dòng tiền đang nghiêng hẳn sang tiêu cực. Quan sát thị trường thế giới tuần qua nhà đầu tư đang chuyển dần tỷ trọng an toàn hơn sang trái phiếu khi lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm của Mỹ đã giảm từ đỉnh 3.2% xuống 2.82%.

Quay trở lại thị trường Việt Nam trong tuần qua, hầu hết các bluechip hiện tại cũng đang chịu áp lực giải chấp margin và do vậy không có lực đỡ cho chỉ số chính Vn-Index trong tuần. Tương tự là hầu hết các nhóm ngành đều giảm điểm ngoại trừ Viễn thông với nhiều mã thanh khoản thấp. Gần như không có mã tăng điểm với thanh khoản cao.

Nhóm nhà đầu tư cá nhân là nhóm bán hoảng loạn trong tuần qua với giá trị ròng 3,488 tỷ trong khi Tổ chức trong nước đã mua ròng 1,804 tỷ và tổ chức nước ngoài đã mua 1,658 tỷ.

### VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

### Nhận định

VNINDEX có tuần giảm rất mạnh 11.0%, biên độ dao động trong cả tuần ở mức rất cao, mở cửa tuần thấp hơn hẳn so với tham chiếu và gần như là mức cao nhất tuần, đóng cửa tuần thấp hơn nhiều so với mở cửa và gần như là mức thấp nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần cao hơn tuần liền trước và ở mức trung bình.

Thị trường giảm sâu ngay ngày thứ hai đầu tuần, hồi phục trong hai ngày tiếp theo nhưng không thể lên tiếp và lại rơi mạnh trong hai ngày cuối tuần. Khối lượng giao dịch gia tăng dần theo đà giảm.

Áp lực bán giá thấp áp đảo là những gì có thể nhận thấy rõ ràng trong tuần. Trong bối cảnh lực mua không cho thấy sự mạnh mẽ cần thiết thì sự mất cân bằng hiện tại chỉ có thể chấm dứt khi áp lực bán giá thấp này suy yếu.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,260 – 1,270
Kháng cự	1,600 – 1,610

**THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG**
**1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**
**Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

**Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

**Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

**Các trạng thái đã cắt lỗ**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

**2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**
**Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



**FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA**

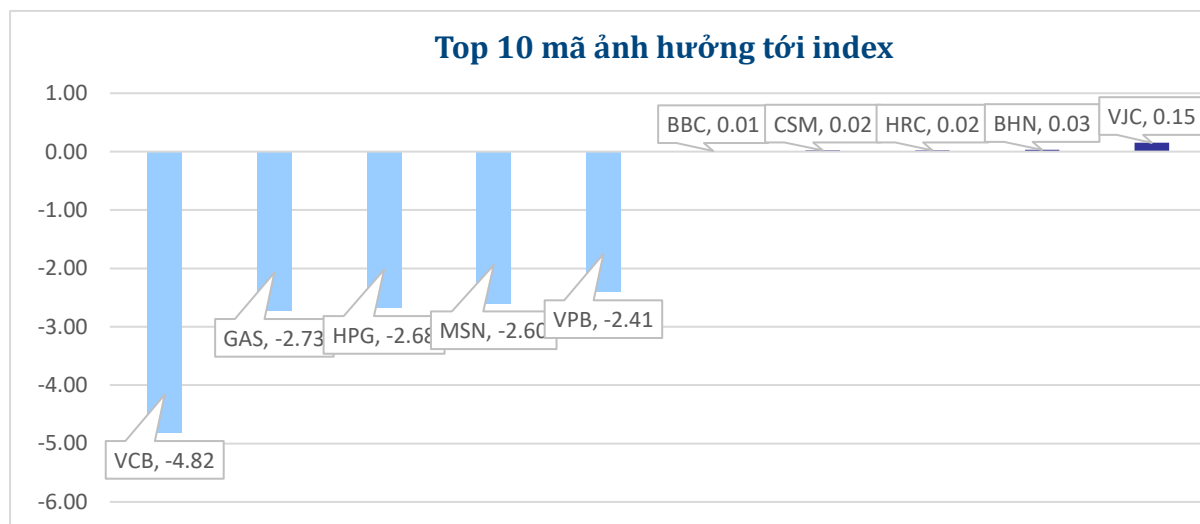
**BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN**

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,182.77	-4.53%	-56.07	816.99	20,365.8	37	20	436
Vn30 - Index	1,223.76	-4.38%	-56.00	251.71	9,188.3	1	1	28
Vn - Mid	1,568.14	-5.46%	-90.59	249.09	6,534.2	1	1	68
VN - Small	1,513.29	-5.68%	-91.10	137.89	2,509.9	11	7	198
HNX - Index	302.39	-4.16%	-13.13	101.54	1,911.6	45	22	277
Upcom - Index	93.61	-2.93%	-2.83	73.91	778.4	76	46	350

**THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN**

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	20,365.80	29.09%	816.99	46.44%
HNX	1,911.60	19.28%	101.54	36.89%

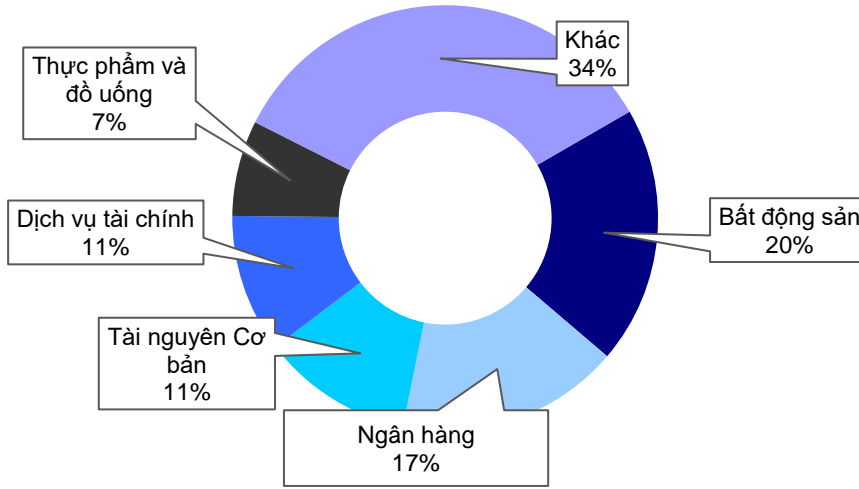
**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN**



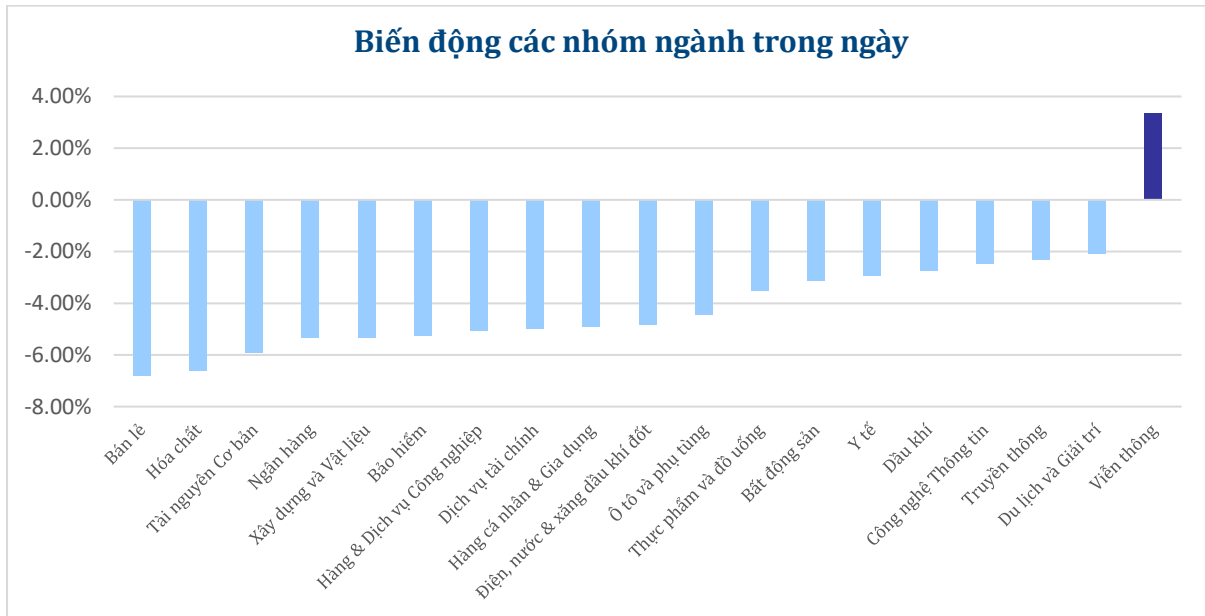
Top KLGD (triệu cổ phiếu)	Top GTGD (tỷ đồng)	Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)	Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)
HPG	42.99	IPQ 476%	HDA 4.2%	TNG -10.0%
SSI	25.05	VPG 305%	PVS 2.7%	IDC -9.9%
STB	22.54	SHS 225%	APS 1.7%	DGC -7.0%
HAG	21.90	HPG 222%	PVC 1.1%	GEX -7.0%
VPB	20.47	VCI 213%	VJC 0.9%	DPM -7.0%

**NHÓM NGÀNH**

**Thanh khoản ngành trong ngày**



**Biến động các nhóm ngành trong ngày**

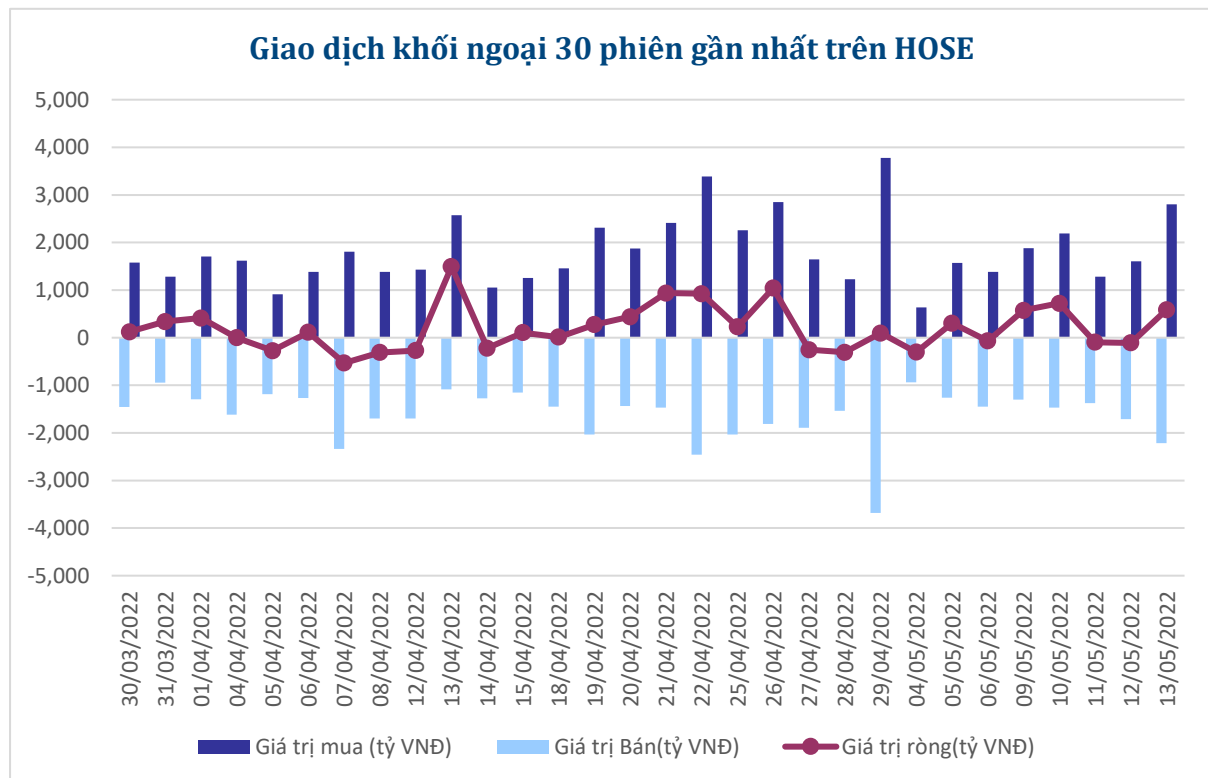




**GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI**

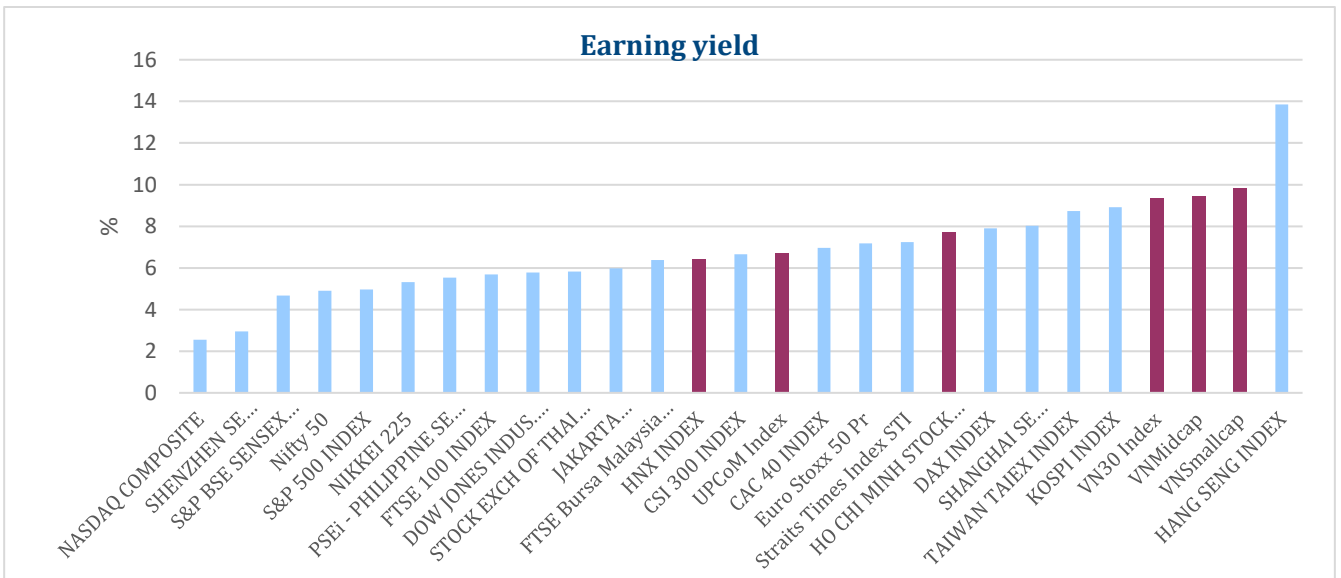
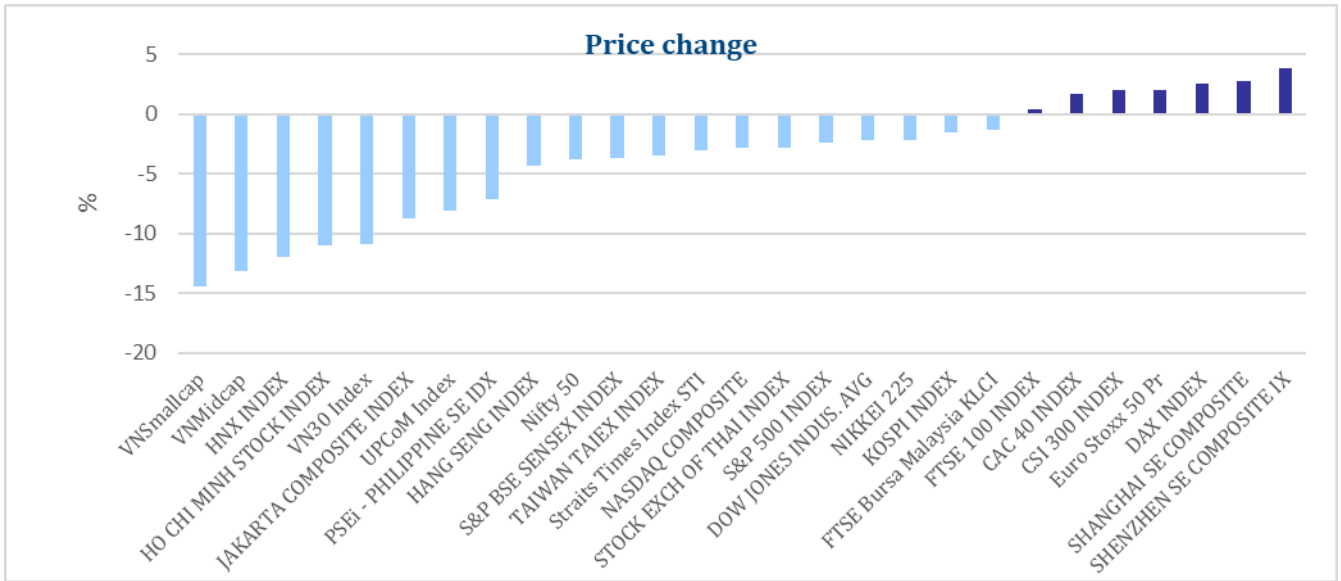
Trên HOSE mua ròng 587.88 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 3.55 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
<b>FUEVFNVD</b>	587.94	<b>HPG</b>	224.92
<b>VNM</b>	89.49	<b>STB</b>	74.82
<b>CTG</b>	68.62	<b>VCB</b>	47.88
<b>VRE</b>	55.34	<b>KBC</b>	43.55
<b>DGC</b>	49.09	<b>VHM</b>	37.42

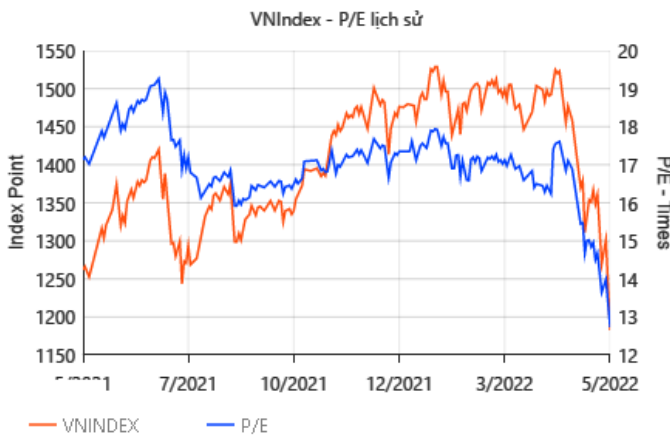




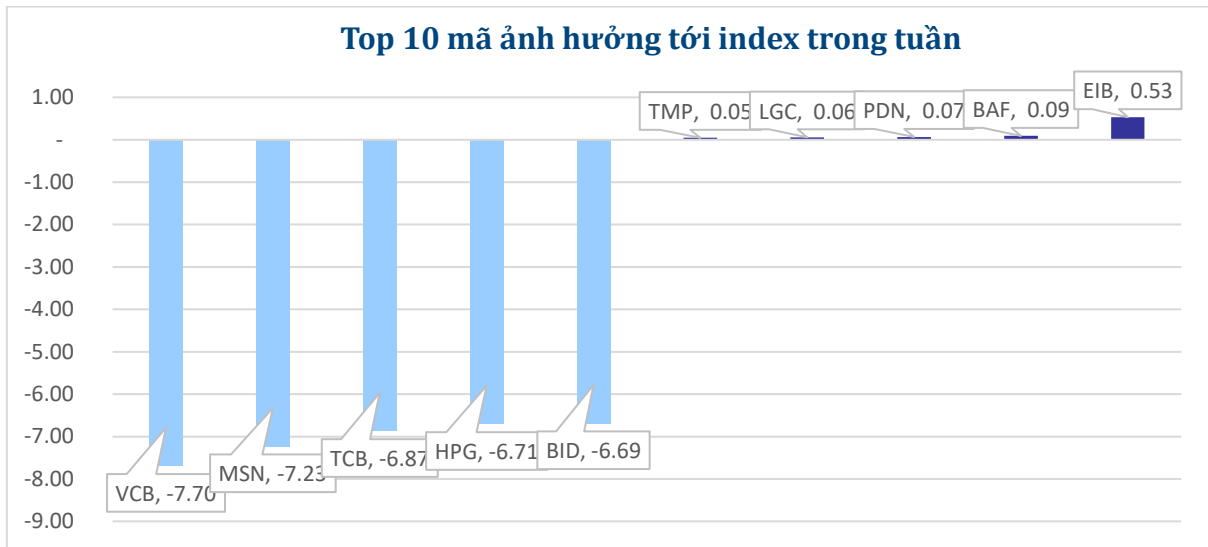
**BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN**



**ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)**

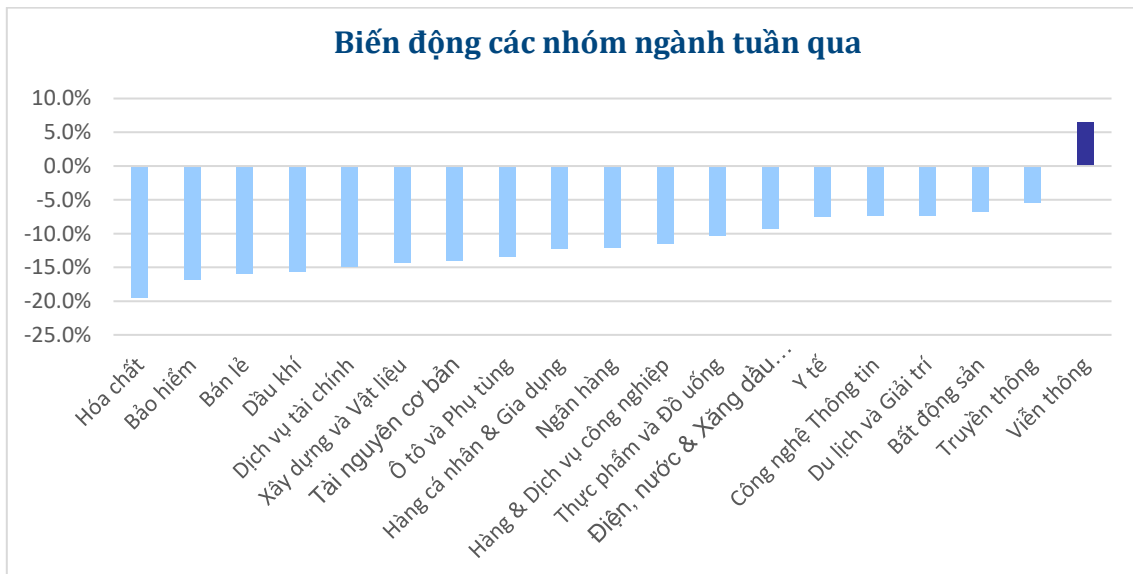


**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA**

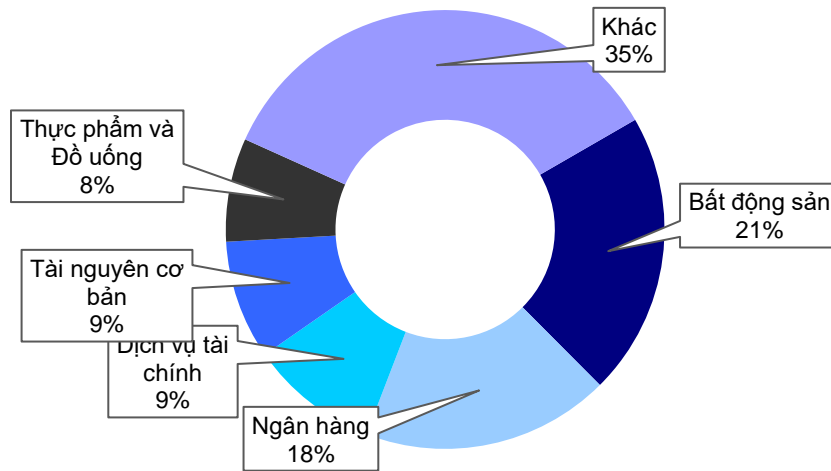


Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
<b>HPG</b>	24.7	<b>HPG</b>	967.0	<b>HDA</b>	3.34x	<b>FIR</b>	6.4%	<b>MBS</b>	-26.8%
<b>STB</b>	20.4	<b>DIG</b>	578.9	<b>HDC</b>	1.97x	<b>APS</b>	1.2%	<b>C4G</b>	-25.8%
<b>VPB</b>	17.0	<b>VPB</b>	540.1	<b>REE</b>	1.83x	<b>HDA</b>	0.8%	<b>PET</b>	-24.5%
<b>SSI</b>	16.4	<b>STB</b>	463.1	<b>MIG</b>	1.75x	<b>VHM</b>	-1.0%	<b>HAX</b>	-24.4%
<b>HAG</b>	14.0	<b>SSI</b>	437.2	<b>L14</b>	1.64x	<b>KOS</b>	-1.1%	<b>VGC</b>	-23.5%

**NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN**



**Đóng góp thanh khoản trong tuần**

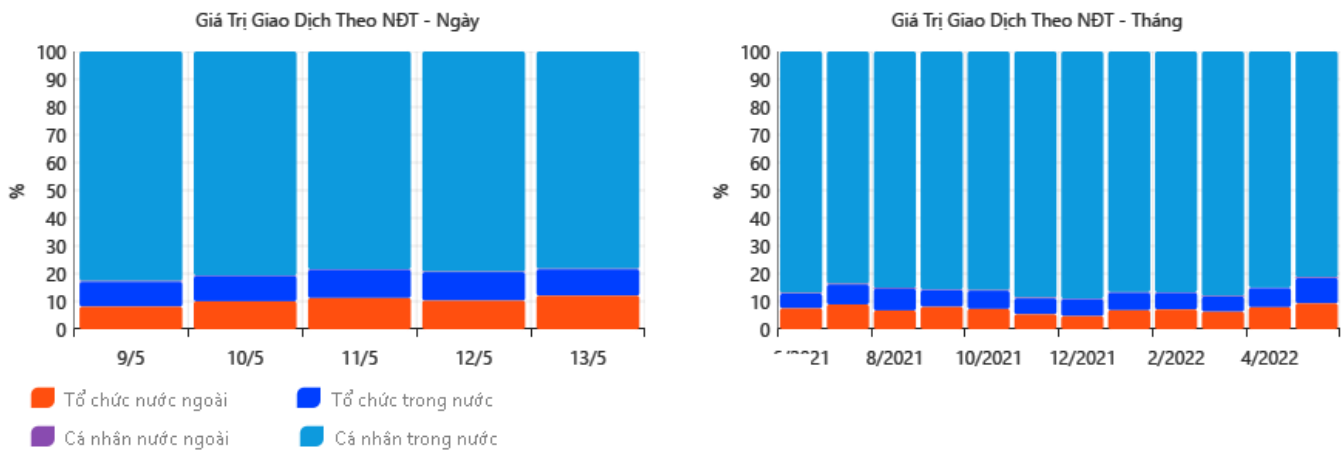


**DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG**

**GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ**

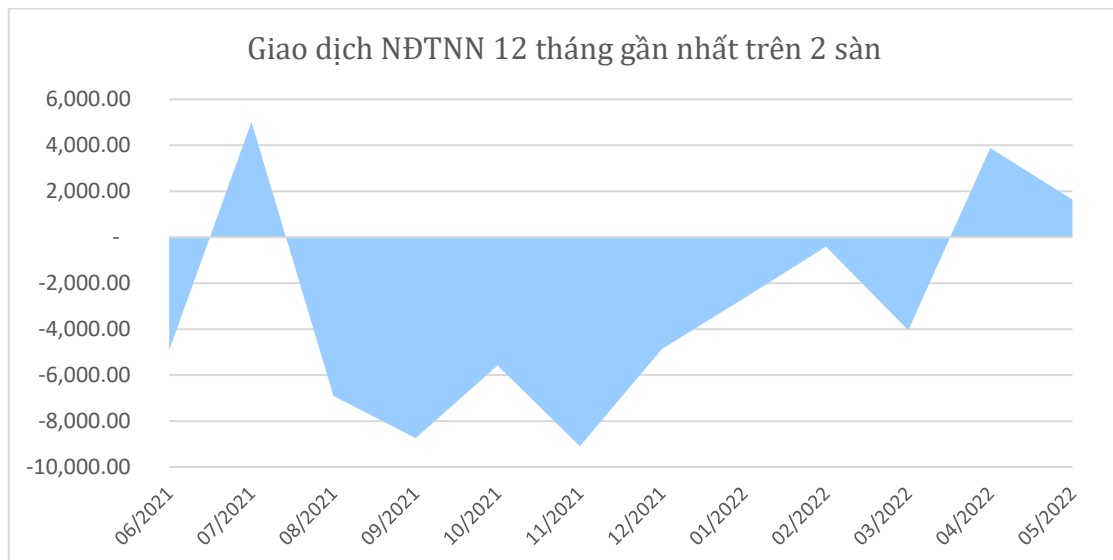
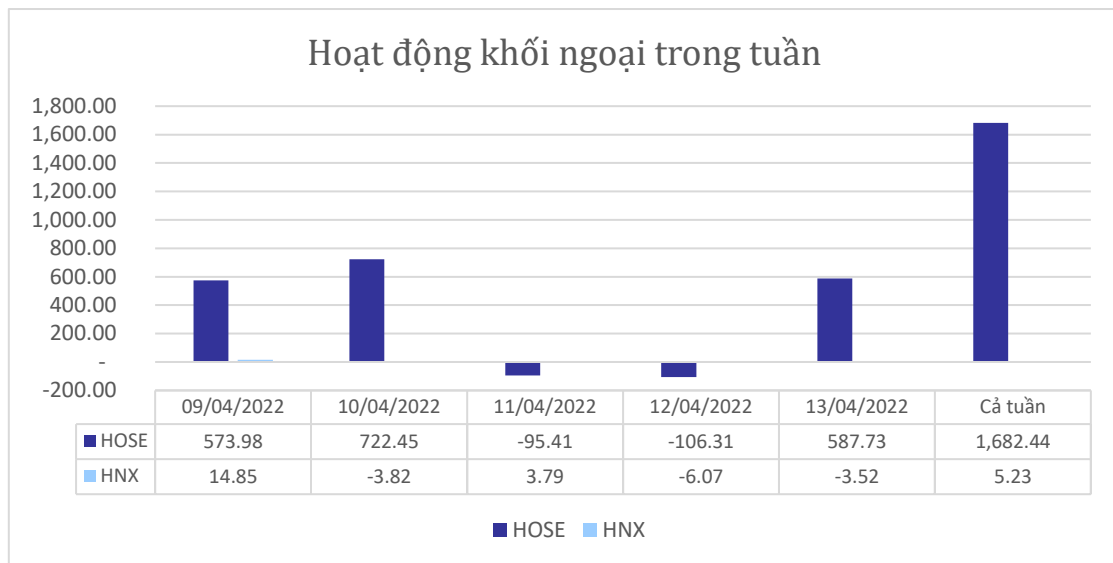
Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	-14.11%	7,028.3	HPG	-14.11%	3,031.0
DIG	-9.15%	4,737.3	FUEVFNVD	-9.22%	2,222.8
VPB	-15.08%	4,718.1	TCB	-18.55%	1,852.0
SSI	-10.57%	3,886.8	FPT	-6.59%	1,538.7
STB	-19.80%	3,837.0	MWG	-14.67%	1,445.0

**Tỷ trọng giao dịch**



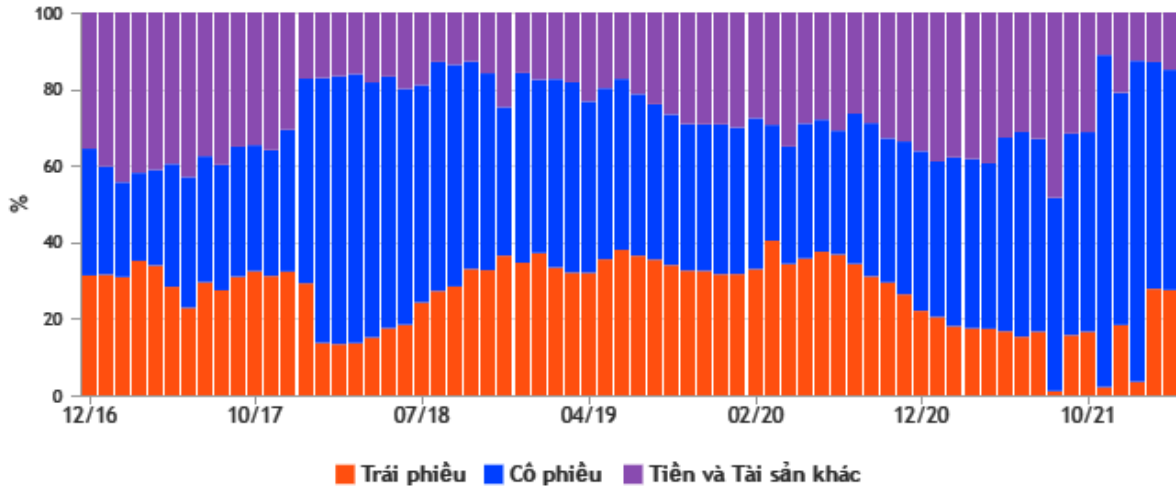
**KHỐI NGOẠI**

Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
FUEVFN30	-9.22%	646.93	HPG	-14.11%	142.82
DGC	-20.61%	288.15	NVL	-7.18%	102.49
CTG	-11.48%	151.84	VCB	-8.06%	100.05
VHM	-1.02%	138.75	E1VFN30	-6.48%	93.41
NLG	-11.52%	121.66	DXG	-17.51%	52.60

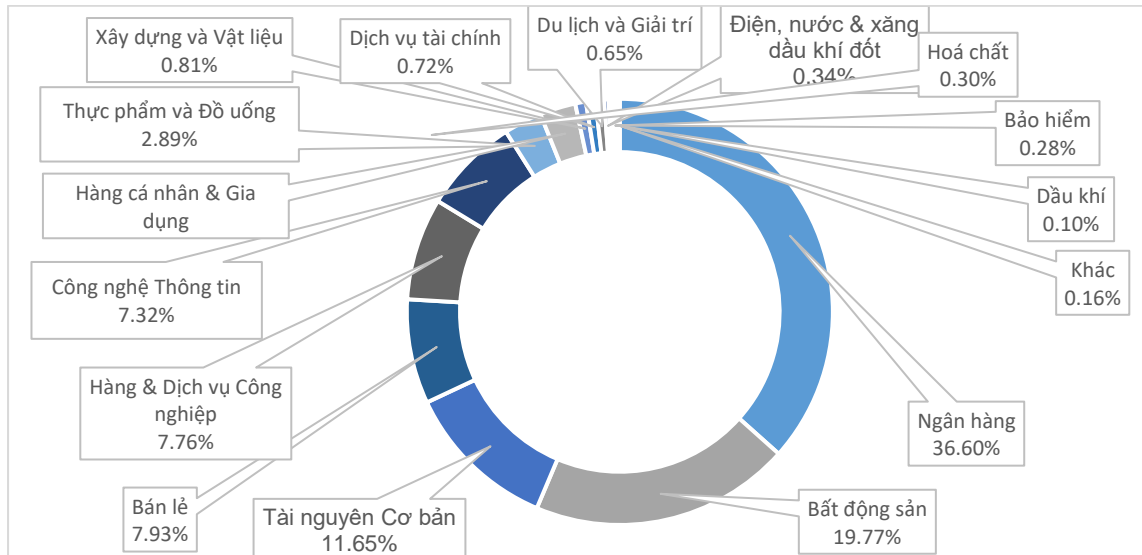


**TỔ CHỨC (do finrpo flatform theo dõi)**

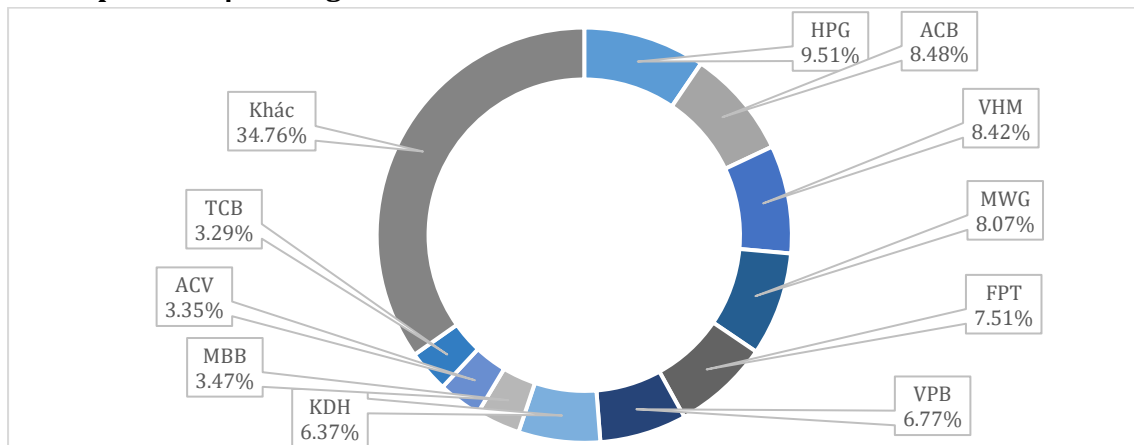
**Phân bổ tài sản**



**Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành**



**Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất**



**LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI**

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIẾN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
VNP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	16/05/22	17/05/22	16/05/22
GVR	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	16/05/22	17/05/22	17/06/22
SC5	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (2.000 đ/cp)	16/05/22	17/05/22	27/05/22
NHA	HSX	Giao dịch 14.057.970 cp niêm yết bổ sung (chia 2 đợt)			16/05/22
IBD	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (764đ/cp)	16/05/22	17/05/22	31/05/22
GDT	HSX	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021 (1.000 đ/cp)	16/05/22	17/05/22	26/05/22
PNC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	16/05/22	17/05/22	16/05/22
HPW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (850đ./cp)	16/05/22	17/05/22	31/05/22
PTL	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	16/05/22	17/05/22	20/05/22
CC1	Upcom	Giao dịch 205.287.613 cổ phiếu niêm yết bổ sung	16/05/22	16/05/22	16/05/22
HAR	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	16/05/22	17/05/22	16/05/22
AMP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	16/05/22	17/05/22	16/05/22
EAD	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)	16/05/22	17/05/22	31/05/22
DMN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	16/05/22	17/05/22	16/05/22
BSH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)	17/05/22	18/05/22	30/05/22
LGM	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	17/05/22	18/05/22	17/05/22
RTB	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	17/05/22	18/05/22	17/05/22
PDR	HSX	Giao dịch 178.874.303 cp niêm yết bổ sung			17/05/22
MSN	HSX	Giao dịch 236.106.884 cp niêm yết bổ sung			17/05/22
PMJ	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.230đ/cp)	17/05/22	18/05/22	31/05/22
TID	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	17/05/22	18/05/22	17/05/22
DSD	Upcom	Giao dịch 31.100.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch	17/05/22	17/05/22	17/05/22
HII	HSX	Giao dịch 36.831.508 cp niêm yết bổ sung (chia 2 đợt)			17/05/22
KHG	HSX	Niêm yết bổ sung 124.338.658 cp		17/05/22	17/05/22
DHN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	17/05/22	18/05/22	17/05/22
TTD	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	17/05/22	18/05/22	27/05/22
VDB	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.494đ/cp)	17/05/22	18/05/22	31/05/22
REE	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 100:15)	17/05/22	18/05/22	17/05/22
MDG	HSX	Thực hiện chi trả cổ tức còn lại năm 2021 (700 đ/cp)	17/05/22	18/05/22	20/06/22
ICN	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)	17/05/22	18/05/22	07/06/22
VGC	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (1.500 đ/cp)	17/05/22	18/05/22	09/06/22
ONE	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	17/05/22	18/05/22	17/05/22
VIE	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	17/05/22	18/05/22	17/05/22
ILS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	17/05/22	18/05/22	17/05/22
AAV	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	17/05/22	18/05/22	17/05/22
GE2	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	17/05/22	18/05/22	17/05/22
AAA	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	17/05/22	18/05/22	17/05/22
SVD	HSX	Niêm yết bổ sung 12.900.000 cp		17/05/22	17/05/22
S12	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	17/05/22	18/05/22	17/05/22
VGI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	17/05/22	18/05/22	17/05/22
QNW	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	18/05/22	19/05/22	18/05/22
DFF	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	18/05/22	19/05/22	18/05/22
PCE	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	18/05/22	19/05/22	18/05/22



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
TJC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	18/05/22	19/05/22	31/05/22
TTN	Upcom	Giao dịch 12.242.500 cổ phiếu niêm yết bổ sung	18/05/22	18/05/22	18/05/22
CMW	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	18/05/22	19/05/22	18/05/22
TTT	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	18/05/22	19/05/22	18/05/22
KBC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	18/05/22	19/05/22	18/05/22
FHS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	18/05/22	19/05/22	18/05/22
HLS	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.500đ/cp)	18/05/22	19/05/22	20/06/22
DPR	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	18/05/22	19/05/22	30/06/22
NTP	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	18/05/22	19/05/22	31/05/22
TCT	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	18/05/22	19/05/22	22/06/22
FTI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	19/05/22	20/05/22	19/05/22
PGT	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	19/05/22	20/05/22	19/05/22
CGL	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)	19/05/22	20/05/22	20/06/22
SJF	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	19/05/22	20/05/22	19/05/22
BED	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.800 đ/cp)	19/05/22	20/05/22	31/05/22
QCC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)	19/05/22	20/05/22	30/05/22
H11	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	19/05/22	20/05/22	19/05/22
ORS	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	19/05/22	20/05/22	05/06/22
PXI	Upcom	Giao dịch 30.000.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch	19/05/22	19/05/22	19/05/22
NCS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	19/05/22	20/05/22	19/05/22
SCS	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (3.000 đ/cp)	19/05/22	20/05/22	08/06/22
VGG	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (200đ/cp)	19/05/22	20/05/22	31/05/22
GER	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (300đ/cp)	19/05/22	20/05/22	31/05/22
MCF	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	19/05/22	20/05/22	19/05/22
GMC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	19/05/22	20/05/22	18/06/22
BKG	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	19/05/22	20/05/22	21/06/22
IHK	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	19/05/22	20/05/22	19/05/22
PYU	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	19/05/22	19/05/22	19/05/22
BTW	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.200 đ/cp)	19/05/22	20/05/22	20/05/22
PPP	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (200 đ/cp)	19/05/22	20/05/22	20/06/22
CMV	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	19/05/22	20/05/22	24/06/22
DTB	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.293,56đ/cp)	19/05/22	20/05/22	01/06/22
ACV	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	19/05/22	20/05/22	19/05/22
GLT	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	19/05/22	20/05/22	19/05/22
SMC	HSX	Chi trả cổ tức đợt cuối năm 2021 (500 đ/cp)	19/05/22	20/05/22	03/06/22
BTN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	19/05/22	20/05/22	19/05/22
CTA	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	19/05/22	20/05/22	19/05/22
EVF	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	19/05/22	20/05/22	19/05/22
VIX	HSX	Giao dịch 274.595.229 cp niêm yết bổ sung			19/05/22
BID	HSX	Giao dịch đầu tiên 1.570.272 trái phiếu niêm yết			20/05/22
BID	HSX	Giao dịch đầu tiên 10.524.298 trái phiếu niêm yết			20/05/22
BID	HSX	Giao dịch đầu tiên 9.710.000 trái phiếu niêm yết			20/05/22
CAN	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.500 đ/cp)	20/05/22	23/05/22	07/06/22
BID	HSX	Giao dịch đầu tiên 10.000.000 trái phiếu niêm yết			20/05/22

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
<b>BID</b>	HSX	Giao dịch đầu tiên 12.000.000 trái phiếu niêm yết			20/05/22
<b>VXP</b>	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	20/05/22	23/05/22	20/05/22
<b>PLP</b>	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	20/05/22	23/05/22	20/05/22
<b>DXP</b>	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	20/05/22	23/05/22	20/05/22
<b>AST</b>	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	20/05/22	23/05/22	20/05/22
<b>PVC</b>	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	20/05/22	23/05/22	20/05/22
<b>L10</b>	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	20/05/22	23/05/22	25/06/22
<b>PXT</b>	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	20/05/22	23/05/22	20/05/22
<b>BKH</b>	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	20/05/22	23/05/22	20/05/22
<b>HPH</b>	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	20/05/22	23/05/22	20/05/22
<b>TLG</b>	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 (1.500 đ/cp)	20/05/22	23/05/22	03/06/22
<b>NUE</b>	Upcom	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	20/05/22	23/05/22	20/05/22
<b>MTP</b>	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)	20/05/22	23/05/22	06/06/22
<b>NBP</b>	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	20/05/22	23/05/22	20/05/22
<b>TST</b>	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2021	20/05/22	23/05/22	20/05/22
<b>HTP</b>	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	20/05/22	23/05/22	20/05/22
<b>ADG</b>	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	20/05/22	23/05/22	25/06/22
<b>DVP</b>	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022			21/05/22



**XẾP HẠNG CỔ PHIẾU**

Chỉ số tham chiếu: VN – Index.

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Khuyến nghị	Định nghĩa
<b>Mua</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq$ 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Tích lũy</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
<b>Giảm tỷ trọng</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
<b>Bán</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

**XẾP HẠNG NGÀNH**

Chỉ số tham chiếu: VN – Index

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Xếp loại	Định nghĩa
<b>Vượt trội</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
<b>Kém hiệu quả</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

**KHUYẾN CÁO**

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

**GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY**

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
<b>Võ Thế Vinh</b>	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	<a href="mailto:vinhvt@gtjas.com.vn">vinhvt@gtjas.com.vn</a>	701
<b>Đỗ Trung Nguyên</b>	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	<a href="mailto:nguyendt@gtjas.com.vn">nguyendt@gtjas.com.vn</a>	702
<b>Trần Thị Hồng Nhung</b>	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	<a href="mailto:nhungth@gtjas.com.vn">nhungth@gtjas.com.vn</a>	703
<b>Đinh Quang Đạt</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	<a href="mailto:datdq@gtjas.com.vn">datdq@gtjas.com.vn</a>	222
<b>Phí Công Linh</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	<a href="mailto:linhpc@gtjas.com.vn">linhpc@gtjas.com.vn</a>	704
<b>Trần Thị Diệu Khánh</b>	Trợ lý Phân tích	Biên – Phiên dịch	<a href="mailto:khanhttd@gtjas.com.vn">khanhttd@gtjas.com.vn</a>	705

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: <a href="mailto:info@gtjas.com.vn">info@gtjas.com.vn</a> Website: <a href="http://www.gtjai.com.vn">www.gtjai.com.vn</a>	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696